

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2020/HS-PT

Ngày 16/11/2020

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Thẩm phán: Bà Vương Thị Thu Hà;
Ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thúy Quỳnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:
Ông An Viết Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2020/TLPT- HS ngày 08/10/2020 đối với bị cáo Trần Thị H, do bị hại Vi Hoàng A kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Trần Thị H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 13 tháng 03 năm 1975 tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 11, phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần văn M (đã chết) và bà: Phạm Thị H, sinh năm 1950; Chồng: Hoàng Quốc H1, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không vi phạm gì; Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

Người bị hại kháng cáo: Ông Vi Hoàng A - sinh năm 1966

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

Ông Hoàng Quốc H1 - Sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 01, phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2017, Ông Vi Hoàng A, sinh năm 1966, trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang đến Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang đề xin việc cho con gái là Vi Thị D, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 8, phường M, Thành phố H nhưng không được. Khi ra đến cổng Sở giáo dục, ông A gặp một người phụ nữ tự giới thiệu tên H2. Người phụ nữ này giới thiệu cho ông Hoàng A số điện thoại: 0973260888 của Trần Thị H, trú tại: Tổ 11, phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang và bảo ông A liên hệ với H nhờ H xin việc cho. Khoảng tháng 9 năm 2017, ông A gọi điện thoại cho H theo số điện thoại được người phụ nữ này giới thiệu để nhờ H xin cho con gái tên Vi Thị D đi làm giáo viên tại huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi trao đổi qua điện thoại, ông A xin địa chỉ của H để gặp H trao đổi trực tiếp. Khi ông A đến gặp H tại nhà riêng, tổ 11, phường N, Thành phố H, H đưa cho ông A xem 03 (ba) bộ hồ sơ có bìa màu trắng và nói với ông A: “Có mấy người cũng đang nhờ em xin việc cho đây này”. H nói với ông A chi phí xin việc cho con ông A là 150.000.000^d, nếu đồng ý thì đưa trước 100.000.000^d và hồ sơ xin việc, số tiền còn lại khi nào có quyết định đi làm thì đưa sau. Ông A nói: “Để A về suy nghĩ đã”.

Khoảng 14 giờ ngày 13/9/2017, ông A đến nhà H giao cho H 01 bộ hồ sơ xin việc có bìa màu trắng của Vi Thị D con ông A và số tiền: 100.000.000^d. H kiểm tra số tiền và viết giấy biên nhận với nội dung: Nhận 100.000.000^d để xin việc cho con gái ông A và đưa cho ông A cầm để làm tin rồi H bảo ông A về nhà đợi, khi nào có quyết định đi làm sẽ thông báo cho ông A biết.

Khoảng 3 tháng sau, ông A gọi điện cho H hỏi kết quả, H trả lời chưa xin được, ông A nói nếu không xin được việc thì trả lại tiền cho ông A. Mấy ngày sau, ông A đến nhà H đòi lại tiền, H nói đợi kết quả. Ông A đưa giấy biên nhận tiền mà H viết ngày 13/9/2017 cho H và nói: Nếu tiếp tục chờ thì phải có chồng hoặc người nhà ký xác nhận vào tờ giấy này. H gọi điện cho ông Hoàng Quốc H1 (*là chồng cũ của H*) đến. H đưa giấy biên nhận nhờ ông H1 ký vào. Ông H1 đồng ý ký tên vào giấy biên nhận với tên Hoàng Hải H1. H đưa tờ giấy biên nhận này cho ông A giữ. Sau đó, ông A đã nhiều lần đến nhà H đòi lại tiền, H đã trả cho ông A 1.000.000^d, còn lại 99.000.000^d H chưa trả cho ông A. Ngày 24/02/2020, ông A đã làm Đơn đề nghị Công an Thành phố H giải quyết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1, 2 Điều 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị H 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/9/2020.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H phải hoàn trả cho bị hại Vi Hoàng A số tiền: 36.500.000^d (*Ba sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 người bị hại Vi Hoàng A có đơn kháng cáo với những nội dung sau:

1. Bị cáo Trần Thị H được hưởng án treo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo;

2. Yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả hết số tiền 36.500.000đ cùng số tiền lãi trong ba năm;

3. Đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Quốc H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án và nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gồm: đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 63.500.000^d cho người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi hai con; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Kháng cáo của người bị hại là không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Trong phần tranh luận: Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Và trình bày, quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường được một phần tài sản, phần còn lại bị cáo hứa sau khi xét xử sơ thẩm xong sẽ trả hết, nên bị hại mới xin giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo H tỏ thái độ không tốt đã không thực hiện như đã hứa, vì vậy bị hại mới kháng cáo với mục đích buộc bị cáo phải hoàn trả hết số tiền còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của người bị hại là hợp pháp.

[2] Về Tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Do làm ăn thua lỗ nên bị cáo đã cung cấp thông tin gian dối là mình có khả năng xin việc để ông Vi Hoàng A tin tưởng giao số tiền 100.000.000^d cùng hồ sơ xin việc của con gái là Vi Thị D cho bị cáo, bị cáo đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân và không liên hệ đến cơ quan nào để xin việc cho con ông A như đã thỏa thuận với ông A.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án, lời khai ổn định trùng khớp về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm. Và được chứng minh qua đơn đề nghị của ông Vi Hoàng A (BL 01); các giấy biên nhận (BL 30, 53 đến 62); biên bản đối chất (BL 140 đến 147); lời khai của người bị hại Vi Hoàng A (BL150 đến 157). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại: Về việc tăng trách nhiệm hình sự; yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự; xem xét trách nhiệm hình sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Quốc H1. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[5] Đối với nội dung kháng cáo về hình phạt: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo Trần Thị H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại với số tiền 63.500.000^d, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang nuôi hai con, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

để xử phạt bị cáo 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 là chưa chính xác, trong trường hợp này cần áp dụng Điều 46 và Điều 60 BLHS năm 1999 mới chính xác. Tuy nhiên xét thấy không vi phạm tố tụng nghiêm trọng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Về nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường số tiền 36.500.000đ và số tiền lãi trong ba năm: Hội đồng xét xử xét thấy, Người bị hại có đầy đủ năng lực hành vi, có trình độ học vấn phải nhận biết rằng việc đưa tiền cho người khác để xin việc vào các cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật, bị cấm, không được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên phần tài sản 36.500.000đ của bị hại bị chiếm đoạt là tài sản hợp pháp sẽ được pháp luật bảo vệ và buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại. Do đó nội dung kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo trả lãi đối với số tiền chiếm đoạt 100.000.000đ trong thời gian ba năm là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Quốc H1: Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của người bị hại không ổn định, mâu thuẫn về sự có mặt của ông H1 trong ngày 13/9/2017 khi bị hại giao số tiền 100.000.000đ cho bị cáo H. Lời khai của bị cáo Trần Thị H thừa nhận khi nhận tiền của bị hại chỉ có mình bị cáo và bị hại, ngoài ra không ai biết, ông Hoàng Quốc H1 không biết việc giao dịch giữa bị cáo H với bị hại ông Vi Hoàng A, ông Hoàng Quốc H1 cũng không được hưởng lợi gì trong số tiền 100.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại Vi Hoàng A. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình.

[9] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị hại; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Vi Hoàng A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Về tội dA: Tuyên bố Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Trần Thị H 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi), thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 01/9/2020.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo H phải hoàn trả cho bị hại Vi Hoàng A số tiền: 36.500.000^d (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND Thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Công an Thành phố H;
- CQTHA Hình sự CA Thành phố H;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Tiến

